

bầu cử lần này đã thể hiện một bước tiến mới trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, và trong việc kiện toàn bộ máy Nhà nước ở cấp cơ sở. Ủy ban thường vụ Quốc hội mong rằng trong thời gian tới, các Hội đồng nhân dân, với cương vị và chức năng của mình, sẽ tích cực đẩy mạnh mọi mặt hoạt động, để góp phần đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi lớn hơn nữa.

2. Theo đề nghị của Hội đồng Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã quyết định tặng thưởng huân chương Lao động cho các đơn vị và cá nhân thuộc ngành giáo dục đã có nhiều thành tích trong năm học 1967-1968 và trong kế hoạch hồ tước văn hóa hai năm 1966-1968.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 71-CP ngày 8-5-1969
ủy nhiệm quyền công nhận các đội
nông nghiệp và đội thủy lợi lao động
xã hội chủ nghĩa.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 104-CP ngày 18-7-1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ quy định các danh hiệu và tiêu chuẩn thi đua;

Căn cứ thông tư số 106-TTg ngày 28-10-1963 của Thủ tướng Chính phủ giải thích việc áp dụng điều lệ quy định các danh hiệu và tiêu chuẩn thi đua và quy định quyền hạn công nhận các danh hiệu thi đua;

Theo đề nghị của ông Trưởng ban thi đua trung ương.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ủy nhiệm cho các Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quyền hàng năm công nhận

các đội sản xuất nông nghiệp, đội thủy lợi, đội nuôi cá, đội trồng cây gây rừng trong các hợp tác xã nông nghiệp đạt tiêu chuẩn là đội lao động xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. — Trước khi ra quyết định công nhận các đội lao động xã hội chủ nghĩa, chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương phải thỏa thuận với các Bộ, Tổng cục có liên quan và thống nhất ý kiến với Ban thi đua trung ương.

Điều 3. — Các ông Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Bộ Nông nghiệp, Bộ Thủy lợi, các ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản, ông Trưởng ban thi đua trung ương, các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 8 tháng 5 năm 1969

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

CÁC BỘ

LIÊN BỘ NỘI THƯƠNG — TỔNG CỤC
THỐNG KÊ

THÔNG TƯ liên bộ số 400-TCTK/TN
ngày 10-3-1969 quy định phương
pháp tính một số chỉ tiêu chủ yếu
về thu mua thịt lợn của hợp tác xã
nông nghiệp và gia đình chăn nuôi.

Công tác vận động phát triển chăn nuôi và thu mua thịt lợn có một vị trí rất quan trọng vì có tác dụng trực tiếp đến việc cung cấp thực phẩm cho các nhu cầu của sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân, ảnh hưởng đến việc khuyến khích chăn nuôi, góp phần thực hiện thâm canh tăng năng suất cây trồng.

09672543

Trong những năm qua nhờ có chính sách đúng đắn của Trung ương Đảng và Chính phủ về thu mua và để lại thịt lợn cho người chăn nuôi tiêu dùng nên nhân dân đã hưởng hái, tự nguyện bán lợn cho Nhà nước.

Nhưng từ khi có chính sách thu mua thịt lợn đến nay ngành trực tiếp quản lý thu mua thịt lợn cũng như các ngành có liên quan đều chưa có văn bản hướng dẫn việc tính toán tỷ lệ thu mua và tỷ lệ để lại thịt lợn cho người chăn nuôi tiêu dùng, nên mỗi nơi tính một cách khác nhau.

Do phương pháp tính toán không thống nhất nên số liệu thống kê chưa phản ánh đúng thực tế, ảnh hưởng đến việc nhận định, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thu mua và mức độ hoàn thành kế hoạch thu mua thịt lợn.

Để khắc phục tình trạng trên, đề thi hành thông tư số 35-TTg ngày 6-5-1963, chỉ thị số 83-TTg ngày 20-8-1963, chỉ thị số 34-TTg ngày 19-2-1966 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thu mua thịt lợn; sau khi trao đổi và thống nhất ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng một số ngành có liên quan, Liên bộ Nội thương — Tổng cục Thống kê ra thông tư quy định phương pháp tính một số chỉ tiêu chủ yếu về thu mua và để lại thịt lợn cho người chăn nuôi, gồm các điểm như sau:

I. XÁC ĐỊNH CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐỀ TÍNH TỶ LỆ THU MUA THỊT LỢN

Về tỷ lệ thu mua và tỷ lệ để lại thịt lợn cho người chăn nuôi, thông tư số 35-TTg ngày 6-5-1963 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định như sau:

«Xã viên và nông dân nuôi lợn khi bán cho Nhà nước được giữ lại khoảng 30% thịt để sử dụng; ở miền núi có thể giữ lại nhiều hơn».

Chỉ thị số 83-TTg ngày 20-8-1963 bổ sung thêm: «Số lợn 70% Nhà nước thu mua là tính trên cơ sở tổng số lợn thịt chăn nuôi nói chung và khi lớn đủ tiêu chuẩn ra chuồng giết thịt».

Đề vận dụng tinh thần của chỉ thị trên vào thực tế công tác thu mua, việc tính toán tỷ

lệ thực hiện thu mua thịt lợn phải dựa trên cơ sở của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng.

Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng là một chỉ tiêu cơ bản và chủ yếu để đánh giá khả năng thực tế về thịt lợn của người chăn nuôi, trên cơ sở khả năng đó, Nhà nước sẽ định kế hoạch thu mua và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thu mua.

Khi thu mua lợn, nhân viên trực tiếp thu mua có phát trả phiếu thịt (30%) cho người chăn nuôi, như vậy về phương diện chấp hành chính sách, ngành thực phẩm đã thực hiện thu mua theo tỷ lệ quy định (hiện nay là 70%). Nhưng thực tế việc trả lại thịt lợn cho người chăn nuôi còn có một số nhược điểm chưa khắc phục được nên khối lượng thịt lợn Nhà nước sử dụng thường chênh lệch so với khối lượng thịt lợn thu mua tính theo tỷ lệ quy định.

Đề phương pháp tính tỷ lệ thu mua thịt lợn phục vụ được cho việc đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện kế hoạch thu mua, quan hệ giữa việc thực hiện kế hoạch thu mua và chính sách thu mua, cần phải tính toán hai chỉ tiêu về tỷ lệ thu mua thịt lợn sau đây:

1. Khối lượng thịt lợn thu mua (tính theo tỷ lệ quy định) so với khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng.

2. Khối lượng thịt lợn Nhà nước sử dụng so với khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng.

Các chỉ tiêu trên đều được tính toán theo năm dương lịch.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH CÁC CHỈ TIÊU

1. Khối lượng thịt lợn thu mua (tính theo tỷ lệ quy định) so với khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong năm.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ thu mua thịt lợn (\%)} = \frac{\text{Khối lượng thịt lợn thu mua tính theo tỷ lệ quy định (70\%)}}{\text{Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong năm}} \times 100$$

a) *Khối lượng thịt lợn thu mua tính theo tỷ lệ quy định* hiện nay bằng 70% khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng ngành thực phẩm đã quản lý được trong năm.

Cách tính cụ thể: Khối lượng thịt lợn thu mua tính theo tỷ lệ quy định bằng (=) tổng số khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã bán cho Nhà nước trong năm cộng (+) với khối lượng thịt của số lợn mổ tại chỗ để trả cho người chăn nuôi trừ (-) đi khối lượng thịt lợn phải trả cho người chăn nuôi (tính theo số phiếu thịt 30% đã phát ra trong năm).

Tổng số khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã bán cho Nhà nước là toàn bộ khối lượng thịt lợn ngành thực phẩm (Bộ Nội thương) đã thu mua có trả tiền cho người bán lợn (trừ lợn sữa và lợn giống).

Ở một số nơi hợp tác xã nông nghiệp bán lợn cho các đơn vị bộ đội chưa kịp thông qua ngành thực phẩm, nhưng có giấy tờ hợp lệ và theo giá quy định của Nhà nước thì cũng được tính vào chỉ tiêu bán lợn cho Nhà nước.

Khối lượng thịt của số lợn mổ trả ngay tại chỗ cho người chăn nuôi không thông qua mua, bán giữa Nhà nước và nhân dân, nhưng nằm trong diện quản lý (thông qua hình thức tem, phiếu thịt) của Nhà nước thì vẫn được tính.

b) *Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong năm:*

Từ trước đến nay chưa có văn bản quy định trọng lượng của lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng. Để có cơ sở tính toán thống nhất, căn cứ vào yêu cầu thâm canh tăng năng suất cây trồng hiện nay, Bộ Nội thương và Tổng cục Thống kê tạm quy định trọng lượng của lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng phải là loại lợn có trọng lượng từ 41 kg trở lên.

Phương pháp tính khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong năm là lấy khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng có đến cuối năm (31 tháng 12) cộng (+) với khối lượng thịt của số lợn thực tế đã ra chuồng trong năm.

Nhưng hiện nay chưa có điều tra chăn nuôi lợn ngày 31 tháng 12 mà chỉ có điều tra ngày 1 tháng 10 hàng năm, vì vậy khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong năm

được tính bằng cách lấy khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng trong 9 tháng cộng (+) với khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong quý IV năm báo cáo.

— Khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng trong 9 tháng bằng (=) tổng số khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã bán cho Nhà nước trong 9 tháng cộng (+) với khối lượng thịt của số lợn mổ trả cho người chăn nuôi tại chỗ trong 9 tháng cộng (+) với khối lượng thịt của số lợn người chăn nuôi tự giết thịt trong 9 tháng.

Số lợn người chăn nuôi tự giết thịt là số lợn các gia đình chăn nuôi tự giết thịt để ăn và số lợn bị giết (ngoài tiêu chuẩn cung cấp) để chi dùng cho các cuộc hội nghị, các buổi liên hoan tại địa phương.

Trong khối lượng thịt của số lợn người chăn nuôi tự giết thịt có phần đóng thuế sát sinh và phần không đóng thuế sát sinh (lậu thuế). Số lợn giết thịt không đóng thuế sát sinh hiện nay chưa tính được vì cơ sở số liệu thiếu vững chắc. Nhưng không có số liệu đó cũng không ảnh hưởng nhiều đến việc tính toán chỉ tiêu thu mua vì phần lớn số lợn giết thịt không đóng thuế sát sinh là loại lợn dưới tiêu chuẩn ra chuồng. Vì lý do đó, chỉ tiêu khối lượng thịt của số lợn người chăn nuôi tự giết thịt ở đây chỉ tính phần có đóng thuế sát sinh, không ước tính phần lậu thuế.

Trong số lợn người chăn nuôi tự giết thịt có đóng thuế sát sinh không bao gồm số lợn nông trường, cơ quan, trại chăn nuôi của ngành thực phẩm chăn nuôi và giết thịt.

Khi thu thuế sát sinh, cơ quan tài chính chỉ ghi số đầu lợn đã nộp thuế mà không ghi trọng lượng của từng con. Muốn có khối lượng thịt của số lợn người chăn nuôi tự giết có đóng thuế phải đem số đầu lợn đã nộp thuế nhân với trọng lượng bình quân một con lợn đã bán cho Nhà nước (vì loại lợn được phép mổ thịt thường phải có trọng lượng bằng trọng lượng lợn đã bán cho Nhà nước).

Trọng lượng bình quân một con lợn người chăn nuôi bán cho Nhà nước bằng (=) tổng số khối lượng thịt đã bán cho Nhà nước chia (:) cho số đầu lợn đã bán cho Nhà nước.

— Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong quý IV bằng (=) số đầu lợn từ 31kg trở lên có đến ngày 1 tháng 10 năm báo cáo trừ (-) đi phần toi dịch (nếu có) nhân (X) với trọng lượng bình quân một con lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng.

Trọng lượng bình quân một con lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng giết thịt quy định thống nhất bình quân là 45kg.

2. Khối lượng thịt lợn Nhà nước sử dụng so với khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong năm.

Công thức tính :

$$\text{Tỷ lệ thịt lợn Nhà nước sử dụng (\%)} = \frac{\text{Khối lượng thịt lợn Nhà nước sử dụng}}{\text{Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong năm}} \times 100$$

a) *Khối lượng thịt lợn Nhà nước sử dụng :*

Khối lượng thịt lợn người chăn nuôi bán cho Nhà nước được chia làm hai phần : một phần bán trả lại cho người chăn nuôi theo phiếu 30% (kể cả phiếu thịt (30%) của các năm trước), phần còn lại là khối lượng thịt lợn Nhà nước sử dụng.

Cách tính cụ thể : Khối lượng thịt lợn Nhà nước sử dụng bằng (=) tổng số khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã bán cho Nhà nước cộng (+) với khối lượng thịt của số lợn mổ trả cho người chăn nuôi tại chỗ trừ (-) đi toàn bộ khối lượng thịt lợn đã trả cho người chăn nuôi theo phiếu thịt (30%) của năm báo cáo và các năm trước.

b) *Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng* tính theo công thức đã nêu ở phần trên:

Các chỉ tiêu về khối lượng thịt lợn dùng trong các công thức trên đây đều thống nhất tính theo trọng lượng hơi. Công thức tính quy thịt xô ra thịt hơi là 0,7kg thịt lợn xô = 1kg thịt lợn hơi.

III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC CÓ LIÊN QUAN

1. **Đề có tài liệu tham khảo tình hình thực hiện chính sách huy động thịt lợn trong từng năm cần phải tính tỷ lệ giữa khối lượng**

thịt lợn Nhà nước đã thu mua với khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng giết thịt trong năm.

Công thức tính :

$$\text{Tỷ lệ thịt lợn đã thu mua (\%)} = \frac{\text{Khối lượng thịt lợn đã thu mua}}{\text{Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng giết thịt trong năm}} \times 100$$

a) *Khối lượng thịt lợn đã thu mua* là khối lượng thịt lợn đã huy động của người chăn nuôi trong năm, bao gồm số thịt lợn thu mua tính theo tỷ lệ quy định và số thịt (30%) còn nợ lại chưa trả hết cho người chăn nuôi theo phiếu thịt của năm báo cáo.

Cách tính cụ thể : khối lượng thịt lợn đã thu mua bằng (=) tổng số khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã bán cho Nhà nước cộng (+) với khối lượng thịt của số lợn mổ trả cho người chăn nuôi tại chỗ trừ (-) đi khối lượng thịt lợn đã trả cho người chăn nuôi theo phiếu thịt (30%) của năm báo cáo.

Khối lượng thịt lợn đã trả cho người chăn nuôi theo phiếu 30% dùng trong công thức trên chỉ bao gồm khối lượng thịt lợn bán theo phiếu của năm báo cáo, không kể số thịt lợn bán trả theo số phiếu của các năm trước.

b) *Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng* tính như công thức đã nêu ở phần trên.

2. Đề kiểm tra việc chấp hành chính sách trả lại thịt lợn (30%) cho người chăn nuôi và phản ánh tình hình thực tế tiêu dùng thịt lợn của người chăn nuôi cần phải tính tỷ lệ giữa khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã tiêu dùng với khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng trong năm.

a) *Khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã tiêu dùng* là khối lượng thịt lợn Nhà nước bán trả lại tại các cửa hàng thực phẩm, mổ lợn trả thịt tại chỗ theo phiếu 30% của năm báo cáo và khối lượng thịt của số lợn người chăn nuôi tự giết thịt.

Hiện nay trong số phiếu thịt 30% thu vào hàng năm có lẫn cả những phiếu thịt của các năm trước. Để kiểm tra việc trả lại thịt lợn (30%) cho người chăn nuôi và tình hình thực tế tiêu dùng thịt lợn của người chăn nuôi theo từng năm cần phải loại trừ số thịt trả cho người chăn nuôi theo phiếu thịt (30%) của năm trước ra khỏi khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã tiêu dùng trong năm.

Xuất phát từ mục đích phục vụ cho việc quản lý khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng, nên chỉ tiêu khối lượng thịt của số lợn người chăn nuôi đã giết thịt nêu trong phương pháp này, như đã giải thích ở trên, chỉ bao gồm phần có đóng thuế sát sinh (tức là số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng người chăn nuôi đã giết thịt).

Tuy nhiên, để phản ánh đầy đủ số thịt lợn nhân dân đã tiêu dùng, địa phương nào có số liệu về số lợn người chăn nuôi giết thịt không đóng thuế sát sinh thì tính thêm vào công thức nhưng phải ghi chú rõ ràng để làm tài liệu tham khảo:

b) Khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng trong năm được tính như phương pháp tính khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng trong 9 tháng.

Khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng trong năm như đã giải thích trong phương pháp tính khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng trong 9 tháng, không bao gồm số lợn nhân dân tự giết không đóng thuế. Nhưng nếu trong khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã tiêu dùng có tính cả số lợn người chăn nuôi tự giết không đóng thuế (để làm tài liệu tham khảo) thì trong khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng cũng phải tính cả phần đó.

3. Để phục vụ cho việc chỉ đạo trả lại thịt lợn cho người chăn nuôi cần phải có các chỉ tiêu về khối lượng thịt lợn còn nợ lại của người chăn nuôi trong năm báo cáo và từ những năm trước đến cuối năm báo cáo.

a) *Khối lượng thịt lợn Nhà nước còn nợ lại của người chăn nuôi trong năm báo cáo bằng (=) số thịt Nhà nước phải trả cho người chăn nuôi tính theo số phiếu thịt 30% phát ra cho*

năm báo cáo trừ (-) đi số thịt Nhà nước đã trả lại cho người chăn nuôi theo tiêu chuẩn năm báo cáo (tính theo số phiếu thịt 30% của năm báo cáo đã thu vào).

b) *Khối lượng thịt lợn Nhà nước còn nợ lại của người chăn nuôi từ những năm trước đến cuối năm báo cáo bằng (=) số thịt còn nợ lại từ những năm trước cộng (+) với số thịt tính theo phiếu 30% phát ra trong năm báo cáo trừ (-) đi tổng số khối lượng thịt lợn đã trả trong năm báo cáo (kể cả khối lượng thịt trả theo tiêu chuẩn của những năm trước).*

Trên đây là phương pháp tính toán các chỉ tiêu áp dụng cho cả năm. Để phục vụ cho yêu cầu chỉ đạo thu mua trong từng thời gian ngắn, cần có phương pháp tính các chỉ tiêu áp dụng cho từng quý.

Phương pháp tính các chỉ tiêu thu mua thịt lợn áp dụng cho hàng quý.

Về khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong từng quý có hai phương pháp tính:

Phương pháp thứ nhất: Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong quý bằng (=) số đầu lợn từ 31 kg trở lên có đến ngày 1 tháng đầu quý nhân (×) với trọng lượng bình quân một con lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng.

Phương pháp thứ hai: Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng trong quý bằng (=) khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng trong quý cộng (+) với khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng có đến cuối quý;

Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng có đến cuối quý bằng (=) số đầu lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng có đến cuối quý nhân (×) với trọng lượng bình quân một con lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng.

Phương pháp tính khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng từng quý chỉ có thể áp dụng ở những địa phương đã tiến hành điều tra chăn nuôi hàng quý.

Từng địa phương sẽ căn cứ vào khả năng số liệu thu thập được để lựa chọn một trong hai phương pháp tính toán đó.

Các chỉ tiêu về khối lượng thịt lợn thu mua tính theo tỷ lệ quy định, khối lượng thịt của

số lợn đã ra chuồng, khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã tiêu dùng, tỷ lệ thu mua thịt lợn (tính theo tỷ lệ quy định), tỷ lệ thịt lợn Nhà nước sử dụng... đều được tính theo các phương pháp áp dụng cho toàn năm. Riêng khối lượng lợn Nhà nước đã trả lại cho người chăn nuôi theo tiêu chuẩn từng quý và khối lượng thịt lợn đã thu mua trong từng quý không thể tính được vì số thịt 30% của mỗi quý thường được trả vào quý sau.

IV. NGUỒN SỐ LIỆU CẦN SỬ DỤNG

Số liệu về tổng số khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã bán cho Nhà nước, khối lượng thịt của số lợn mổ trả lại cho người tiêu dùng tại chỗ, số phiếu thịt 30% phát ra, thu vào... lấy theo báo cáo của các nhân viên thu mua thịt lợn và các cửa hàng thực phẩm. Số liệu về khối lượng thịt của số lợn người chăn nuôi tự giết có đóng thuế sát sinh lấy ở báo cáo của cơ quan tài chính (phần thuế sát sinh của nhân dân). Số liệu về đầu lợn thịt có đến ngày 1 tháng 10 hàng năm lấy theo tài liệu điều tra chăn nuôi lợn của ngành thống kê nông nghiệp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phương pháp tính toán trên đây được áp dụng thống nhất cho các đơn vị chăn nuôi là các hợp tác xã nông nghiệp, cho các đơn vị thu mua thịt lợn từ các cửa hàng thực phẩm trở lên và các đơn vị hành chính từ cấp xã trở lên.

Các đơn vị của ngành thực phẩm (Bộ Nội thương) và tổ chức thống kê Nhà nước có trách nhiệm áp dụng phương pháp này để phục vụ cho việc tính toán, phân tích các chỉ tiêu thực hiện thu mua thịt lợn theo phương thức thu mua hiện nay, nếu địa phương nào có thay đổi phương thức thu mua (Mậu dịch quốc doanh chỉ làm nhiệm vụ thu mua lợn cho Nhà nước sử dụng còn số thịt lợn để lại cho người chăn nuôi tiêu dùng do chính quyền địa phương

tự phân phối điều hòa trong địa phương mình) thì sẽ áp dụng tính theo công thức sau đây :

$$\text{Tỷ lệ thịt lợn Nhà nước thu mua} = \frac{\text{Khối lượng thịt lợn Nhà nước đã thu mua trong năm}}{\text{Khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng giết thịt trong năm}}$$

Khối lượng thịt lợn Nhà nước thu mua trong năm tính bằng khối lượng thịt lợn đã nhập chuồng của mậu dịch trong năm (không kể lợn giống, lợn sữa).

Phương pháp tính khối lượng thịt của số lợn đủ tiêu chuẩn ra chuồng giết thịt trong năm về căn bản không có gì thay đổi.

— Tỷ lệ giữa khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã tiêu dùng với khối lượng thịt của số lợn đã ra chuồng trong năm vẫn được duy trì để tính toán nhưng cần chú ý : Khối lượng thịt lợn người chăn nuôi đã tiêu dùng là khối lượng thịt lợn (30%) do xã mổ điều hòa cho người chăn nuôi (trước kia do mậu dịch quốc doanh cho mổ điều hòa và có thu phiếu) và khối lượng thịt của số lợn người chăn nuôi tự giết thịt.

— Các công thức tính khối lượng thịt lợn Nhà nước còn nợ lại của người chăn nuôi không cần dùng nữa.

— Trong nguồn số liệu cần sử dụng để tính toán không có nguồn số liệu và số phiếu 30% phát ra thu vào nữa, thay vào đó cần bổ sung thêm số liệu về khối lượng thịt lợn do xã mổ điều hòa cho người chăn nuôi lấy theo báo cáo của thống kê xã và của cơ quan tài chính.

Liên bộ Nội thương — Tổng cục Thống kê yêu cầu Ủy ban hành chính các thành phố, tỉnh tổ chức phổ biến thông tư này, đồng thời có kế hoạch chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ việc thi hành những điều đã quy định trong thông tư.

Hà-nội, ngày 10 tháng 3 năm 1969

K.T. Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê
Tổng cục phó
TRẦN HẢI BẮNG

K.T. Bộ trưởng
Bộ Nội thương
Thư trưởng
VŨ TUÂN